

GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI, CƠ HỘI - THÁCH THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚNG TA

NGUYỄN TẤN DŨNG

Ngày 7-11-2006, tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) đã diễn ra trọng thể Lễ ký Nghị định thư về việc Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Nhân dịp này, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã có bài viết quan trọng. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc toàn văn bài viết này.

Việt Nam đã chính thức được kết nạp vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Điều gì sẽ diễn ra khi chúng ta tham gia Tổ chức Thương mại có quy mô toàn cầu này. Đó là cơ hội mà chúng ta có thể và cần phải tận dụng. Những thách thức nào mà chúng ta phải nhận biết để vượt qua. Và để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức chúng ta phải làm gì.

Bài viết này nhằm góp phần lý giải những vấn đề nêu trên.

I

Vào nửa cuối của những năm 90 của thế kỷ trước, với đà phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và sự bùng nổ của công nghệ thông tin, lực lượng sản xuất đã có bước phát triển vượt bậc trên phạm vi toàn cầu. Các công ty xuyên quốc gia với tiềm lực tài chính to lớn và khả năng công nghệ dồi dào gia tăng hoạt động.

Sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và sự gia tăng hoạt động của các công ty xuyên quốc gia là hai yếu tố lớn tác động đến bức tranh kinh tế thế giới trong thời đại ngày nay. Hai yếu tố này, một mặt đặt ra nhu cầu, mặt khác tạo ra khả năng tổ chức lại thị trường trên toàn thế giới. Nói một cách khác, hai yếu tố này thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Sự mở rộng thị trường gắn

với sự phát triển lực lượng sản xuất và tính chất của quá trình này đã được C. Mác chỉ ra trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.

Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ được dịch chuyển tự do hơn từ nước này sang nước khác, thông qua các cam kết mở cửa thị trường. Các cam kết này có thể là giữa 2 nước theo hiệp định mậu dịch tự do song phương (FTA) có thể là giữa các nhóm nước theo hiệp định mậu dịch tự do khu vực (RTA) hoặc rộng hơn, trên quy mô toàn cầu trong Tổ chức Thương mại thế giới.

Tùy theo thỏa thuận giữa các đối tác tham gia hiệp định mà phạm vi và độ sâu của các hiệp định có thể khác nhau nhưng nội dung cơ bản của các hiệp định này là các cam kết mở cửa thị trường về thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và những nguyên tắc, luật lệ phải tuân thủ để bảo đảm mở cửa thị trường một cách thực chất và công bằng.

Đến năm 2005, trên thế giới, đã có 312 hiệp định mậu dịch song phương và khu vực được ký-kết và được thông báo đến Tổ chức Thương mại thế giới, trong đó có 170 hiệp định còn hiệu lực. Tổ chức Thương mại thế giới được thành lập năm 1995 trên cơ sở Tổ chức Thuế quan và Thương mại (gọi tắt là GATT) sau Vòng đàm phán U-ru-goay kéo dài 8 năm. Đến nay, WTO có 150 thành viên, chiếm khoảng 90% dân số thế giới, 95% GDP và 95 % giá trị thương mại toàn cầu.

Không dừng lại ở hiện trạng, nhiều nước đang đàm phán về các FTA và RTA mới. Tổ chức Thương mại thế giới cũng đang tìm cách phát triển theo cả chiều rộng (kết nạp thêm thành viên mới), cả theo chiều sâu (đàm phán để mở rộng khả năng tiếp cận thị trường hơn nữa), mặc dù điều này không dễ dàng. Bởi, đây là quá trình chứa đựng nhiều mâu thuẫn, có sự xung đột lợi ích giữa các nước, các nhóm nước và là một quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự kinh tế thế giới hợp lý hơn, công bằng hơn. Vì lẽ đó, toàn cầu hóa vẫn là một quá trình chưa định hình.

Mặc dù vậy, toàn cầu hóa vẫn tiến về phía trước, như một tất yếu khách quan, bởi động lực bên trong của nó là sự phát triển của lực lượng sản xuất mà lực lượng sản xuất thì không ngừng phát triển và càng về sau thì càng phát triển nhanh hơn, mạnh hơn.

Do các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ dịch chuyển tự do từ nước này sang nước khác nên sự phân công lao động ngày càng sâu sắc và diễn ra trên phạm vi toàn thế giới, hình thành nên các chuỗi giá trị toàn cầu. Từ thực tế này, một loạt vấn đề mới đặt ra trong chính sách thương mại và đầu tư. Trong đó, có đối sách của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trước xu thế của thời đại, hoặc tham gia vào tiến trình toàn cầu hóa hay đứng ngoài tiến trình ấy. Tham gia vào tiến trình toàn cầu hóa, tiến cùng thời đại tuy thách thức là rất lớn, nhưng cơ hội cũng rất nhiều. Không tham gia vào tiến trình ấy, trở thành người ngoài cuộc sẽ bị phân biệt đối xử trong tiếp cận thị trường về hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, sẽ rất khó khăn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng

công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong bối cảnh thế giới đang diễn ra cuộc cách mạng kỹ thuật - công nghệ lần thứ ba; và từ đó, dẫn đến làn sóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế lần thứ ba. Mà sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở mỗi nước sẽ dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các nước.

Điều quan trọng nữa là quốc gia nào không tham gia vào tiến trình này, quốc gia đó sẽ không có địa vị bình đẳng trong việc bàn thảo và xây dựng định chế của nền thương mại thế giới, không có điều kiện để đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình.

Nhận thức được tình hình đó, nhiều nước, kể cả các nước trước đây vẫn thực hiện chính sách bảo hộ mậu dịch nghiêm ngặt đã tiến hành cải cách kinh tế, mở cửa với bên ngoài, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa. Nhờ đó, kinh tế các nước này liên tục tăng trưởng với tốc độ cao. Trung Quốc và Ấn Độ đang nổi lên thành những trung tâm kinh tế lớn cùng với Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Khu vực Đông Á, Đông - Nam Á tiếp tục phát triển năng động. Quá trình hợp tác liên kết trong khu vực này ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Ý tưởng về việc thành lập một Khu vực Mậu dịch tự do Đông Á thậm chí Khu vực Mậu dịch tự do xuyên Thái Bình Dương đã được bàn thảo tại các diễn đàn kinh tế. Thế giới đang nói nhiều về "Thế kỷ châu Á".

II

Đảng Cộng sản Việt Nam với bản chất cách mạng và tư duy chính trị nhạy bén đã khởi xướng và tiến hành công cuộc đổi mới một cách toàn diện và sâu sắc trên các lĩnh vực, cả về đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới quan hệ kinh tế đối ngoại và cải cách nền hành chính quốc gia. Gắn kết các nội dung đổi mới và để bảo đảm cho quá trình đổi mới là quá trình hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế quản lý, từng bước hình thành đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường. Chính điều này không chỉ bảo đảm phát huy được nội lực của đất nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân mà còn tạo ra tiền đề bên trong - nhân tố quyết định cho tiến trình hội nhập với bên ngoài.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng tháng 6 năm 1996 khẳng định: "Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại... Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi...".

Thực hiện đường lối của Đảng, chúng ta đã phát triển mạnh quan hệ toàn diện và mở cửa buôn bán biên giới với Trung Quốc; gia nhập Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN), tham gia Hiệp định Mậu dịch tự do ASEAN; Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); là sáng lập viên Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM). Cùng với các nước ASEAN ký Hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Ấn

Độ, ASEAN - Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lon. Ký Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ (BTA). Đây là những bước đi quan trọng, là sự "cọ xát" từng bước trong tiến trình hội nhập.

Thực tiễn những năm qua chỉ rõ: khi mở cửa thị trường, lúc đầu chúng ta có gặp khó khăn. Mở cửa buôn bán biên giới với Trung Quốc, hàng hóa nước bạn tràn vào đẩy doanh nghiệp nước ta vào thế bị động, một số ngành sản xuất "lao đao", một số doanh nghiệp phải giải thể. Tuy nhiên với thời gian, các doanh nghiệp nước ta đã vươn lên, trụ vững và đã có bước phát triển mới. Nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ sản xuất, cải tiến kiểu dáng, mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, nhờ đó mà tăng được sức cạnh tranh, phát triển được sản xuất, mở rộng được thị trường. Thực hiện các cam kết theo Hiệp định Mậu dịch tự do ASEAN, chúng ta đã loại bỏ hàng rào phi quan thuế, giảm thuế nhập khẩu. Đến năm 2006, có 10.283 dòng thuế chiếm 99,43% biểu thuế nhập khẩu ASEAN có thuế suất chỉ ở mức 0% - 5%, nhưng các ngành sản xuất của ta vẫn phát triển với tốc độ cao. Trong nhiều năm qua, sản xuất công nghiệp tăng trung bình 15% - 16%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng trung bình trên 20%/năm là nhân tố quan trọng bảo đảm tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục, tạo thêm nhiều công ăn, việc làm.

Điều đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng lâu dài là tiến trình đổi mới kinh tế theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế đã từng bước xuất hiện lớp cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn cao, thông thạo ngoại ngữ, xuất hiện một đội ngũ những nhà doanh nghiệp mới, có kiến thức, năng động và tự tin, dám chấp nhận mạo hiểm, dám đối đầu với cạnh tranh. Đây là nguồn lực quý báu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở những thành tựu đạt được sau gần 10 năm đổi mới, năm 1995 nước ta chính thức làm đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Nhận thức rõ "toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia" (Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng tháng 4 năm 2001) và thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị khóa VIII về hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta đã nỗ lực hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm hình thành đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường, kiên trì đàm phán trên cả 2 kênh song phương (mở cửa thị trường) và đa phương (thực hiện các hiệp định của Tổ chức Thương mại thế giới). Ngày 7-11-2006 vừa qua, nước ta đã chính thức được kết nạp vào tổ chức này.

Tham gia vào Tổ chức Thương mại thế giới, nước ta đứng trước những cơ hội lớn như sau:

Một là: Được tiếp cận thị trường hàng hóa và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ mà các nước mở cửa theo các nghị định thư gia nhập của các nước này, không bị phân biệt đối xử. Điều đó, tạo điều kiện cho chúng ta mở rộng thị trường xuất khẩu và trong tương lai - với sự lớn mạnh của doanh nghiệp và nền kinh tế nước ta -

mở rộng kinh doanh dịch vụ ra ngoài biên giới quốc gia. Với một nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế nước ta, kim ngạch xuất khẩu luôn chiếm trên 60% GDP thì điều này là đặc biệt quan trọng, là yếu tố bảo đảm tăng trưởng.

Hai là: Với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện công khai, minh bạch các thiết chế quản lý theo quy định của WTO, môi trường kinh doanh của nước ta ngày càng được cải thiện. Đây là tiền đề rất quan trọng để không những phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế trong nước mà còn thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, qua đó tiếp nhận vốn, công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra công ăn việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm tốc độ tăng trưởng và rút ngắn khoảng cách phát triển.

Thực tế trong những năm qua đã chỉ rõ, cùng với phát huy nội lực, đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta và xu thế này ngày càng nổi trội: năm 2006, đầu tư nước ngoài chiếm 37% giá trị sản xuất công nghiệp, gần 56% kim ngạch xuất khẩu và 15,5% GDP, thu hút hơn một triệu lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ba là: Gia nhập WTO chúng ta có được vị thế bình đẳng như các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, có cơ hội để đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn, hợp lý hơn, có điều kiện để bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp. Đương nhiên kết quả đấu tranh còn tùy thuộc vào thế và lực của ta, vào khả năng tập hợp lực lượng và năng lực quản lý điều hành của ta.

Bốn là: Mặc dù chủ trương của chúng ta là chủ động đổi mới, cải cách thể chế kinh tế ở trong nước để phát huy nội lực và hội nhập với bên ngoài nhưng chính việc gia nhập WTO, hội nhập vào nền kinh tế thế giới cũng thúc đẩy tiến trình cải cách trong nước, bảo đảm cho tiến trình cải cách của ta đồng bộ hơn, có hiệu quả hơn.

Năm là: Cùng với những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử sau 20 năm đổi mới; việc gia nhập WTO sẽ nâng cao vị thế của ta trên trường quốc tế, tạo điều kiện cho ta triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại theo phương châm: Việt Nam mong muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Trong khi nhận thức rõ những cơ hội có được do việc gia nhập WTO mang lại, cần thấy hết những thách thức mà chúng ta phải đối đầu, nhất là trong điều kiện nước ta là một nước đang phát triển ở trình độ thấp, quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém và bất cập, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân còn nhỏ bé. Những thách thức này bắt nguồn từ sự chênh lệch giữa năng lực nội sinh của đất nước với yêu cầu hội nhập, từ những tác động tiêu cực tiềm tàng của chính quá trình hội nhập. Những thách thức này gồm:

Một là: Cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt hơn, với nhiều "đối thủ" hơn, trên bình diện rộng hơn, sâu hơn. Đây là sự cạnh tranh giữa sản phẩm của ta với sản phẩm các nước, giữa doanh nghiệp nước ta với doanh nghiệp các nước, không chỉ trên thị trường thế giới và ngay trên thị trường nước ta do thuế nhập khẩu phải cắt giảm từ mức trung bình 17,4% hiện nay xuống mức trung bình 13,4% trong vòng 3 đến 5 năm tới, nhiều mặt hàng còn giảm mạnh hơn. Cạnh tranh không chỉ diễn ra ở cấp độ sản phẩm với sản phẩm, doanh nghiệp với doanh nghiệp. Cạnh tranh còn diễn ra giữa nhà nước và nhà nước trong việc hoạch định chính sách quản lý và chiến lược phát triển nhằm phát huy nội lực và thu hút đầu tư từ bên ngoài. Chiến lược phát triển có phát huy được lợi thế so sánh hay không, có thể hiện được khả năng "phản ánh vượt trước" trong một thế giới biến đổi nhanh chóng hay không. Chính sách quản lý có tạo được chi phí giao dịch xã hội thấp nhất cho sản xuất kinh doanh hay không, có tạo dựng được môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, thuận lợi hay không v.v.. Tổng hợp các yếu tố cạnh tranh trên đây sẽ tạo nên sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế, sức cạnh tranh quốc gia.

Hai là: Trên thế giới sự "phân phối" lợi ích của toàn cầu hóa là không đồng đều. Những nước có nền kinh tế phát triển thấp được hưởng lợi ít hơn. Ở mỗi quốc gia, sự "phân phối" lợi ích cũng không đồng đều. Một bộ phận dân cư được hưởng lợi ít hơn, thậm chí còn bị tác động tiêu cực của toàn cầu hóa; nguy cơ phá sản một bộ phận doanh nghiệp và nguy cơ thất nghiệp sẽ tăng lên, phân hóa giàu nghèo sẽ mạnh hơn. Điều đó đòi hỏi phải có chính sách phúc lợi và an sinh xã hội đúng đắn; phải quán triệt và thực hiện thật tốt chủ trương của Đảng: "Tăng trưởng kinh tế đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển".

Ba là: Hội nhập kinh tế quốc tế trong một thế giới toàn cầu hóa, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước sẽ tăng lên. Sự biến động trên thị trường các nước sẽ tác động mạnh đến thị trường trong nước, đòi hỏi chúng ta phải có chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn, có năng lực dự báo và phân tích tình hình, cơ chế quản lý phải tạo cơ sở để nền kinh tế có khả năng phản ứng tích cực, hạn chế được ảnh hưởng tiêu cực trước những biến động trên thị trường thế giới. Trong điều kiện tiềm lực đất nước có hạn, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, kinh nghiệm vận hành nền kinh tế thị trường chưa nhiều thì đây là khó khăn không nhỏ, đòi hỏi chúng ta phải phấn đấu vươn lên mạnh mẽ, với lòng tự hào và trách nhiệm rất cao trước quốc gia, trước dân tộc.

Bốn là: Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những vấn đề mới trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chống lại lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền.

Như vậy, gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế vừa có cơ hội lớn, vừa phải đối đầu với thách thức không nhỏ. Cơ hội tự nó không biến thành lực lượng vật chất trên thị trường mà tùy thuộc vào khả năng

tận dụng cơ hội của chúng ta. Thách thức tuy là sức ép trực tiếp nhưng tác động của nó đến đâu còn tùy thuộc vào nỗ lực vươn lên của chúng ta. Cơ hội và thách thức không phải "nhất thành bất biến" mà luôn vận động, chuyển hóa và thách thức đối với ngành này có thể là cơ hội cho ngành khác phát triển. Tận dụng được cơ hội sẽ tạo ra thế và lực mới để vượt qua và đẩy lùi thách thức, tạo ra cơ hội mới lớn hơn. Ngược lại, không tận dụng được cơ hội, thách thức sẽ lấn át, cơ hội sẽ mất đi, thách thức sẽ chuyển thành những khó khăn dài hạn rất khó khắc phục. ở đây, nhân tố chủ quan, nội lực của đất nước, tinh thần tự lực tự cường của toàn dân tộc là quyết định nhất.

Với thành tựu to lớn sau 20 năm đổi mới, quá trình chuyển biến tích cực trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế những năm vừa qua, cùng với kinh nghiệm và kết quả của nhiều nước gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới trước ta, cho chúng ta niềm tin vững chắc rằng: Chúng ta hoàn toàn có thể tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức. Có thể có một số doanh nghiệp khó khăn, thậm chí lâm vào cảnh phá sản nhưng phần lớn các doanh nghiệp sẽ trụ vững và vươn lên, nhiều doanh nghiệp mới sẽ tham gia thị trường và toàn bộ nền kinh tế sẽ phát triển theo mục tiêu và định hướng của chúng ta.

III

Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X vào cuối năm nay sẽ thảo luận và thông qua một số chủ trương, chính sách lớn để phát triển nhanh và bền vững sau khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Dưới đây, xin trình bày một số vấn đề nhằm góp phần xác định những chủ trương, chính sách đó.

1 - *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý, nhằm hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các cam kết.* Trước hết tập trung vào (I) Soạn thảo các văn bản hướng dẫn thực thi các luật mới ban hành, bảo đảm cụ thể, công khai, minh bạch phù hợp với nội dung của luật; (II) Xóa bỏ mọi hình thức bao cấp, trong đó có bao cấp qua giá, thực hiện giá thị trường cho mọi loại hàng hóa và dịch vụ. Đối với những mặt hàng hiện còn áp dụng cơ chế nhà nước định giá, phải xác định lộ trình thực hiện nhanh giá thị trường để các doanh nghiệp tính toán lại phương án sản xuất kinh doanh; (III) Đẩy mạnh cải cách trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo đảm cho các ngân hàng thương mại thực sự là các đơn vị kinh tế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các khoản vay và cho vay trên cơ sở hiệu quả, không có sự phân biệt đối xử về hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế. Hoàn thiện cơ chế quản lý thị trường đất đai và bất động sản, tạo bước đột phá trong hoạt động của thị trường này. Cải cách chế độ kế toán và tài chính doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế; (IV) Xây dựng các biện pháp hỗ trợ đối với một số lĩnh vực, sản phẩm đi đôi với việc loại bỏ các hình thức trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp gắn với tỷ lệ nội địa hóa phù hợp với các cam kết của ta trong Tổ chức Thương mại thế giới; (V) Hoàn thiện cơ chế và tổ chức quản lý cạnh tranh, chống bán phá giá, chống trợ cấp để tạo ra môi trường cạnh tranh lành

manh. Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm phù hợp với Hiệp định TBT và SPS để bảo vệ thị trường nội địa và người tiêu dùng; (VI) Kết hợp chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ, sử dụng linh hoạt các công cụ lãi suất, hạn mức tín dụng, tỷ giá... để điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Nâng cao chất lượng của công tác thông tin, dự báo về thị trường, giá cả, quan hệ cung cầu để xác định các cân đối lớn. (VII) Đẩy mạnh cải cách tiền lương, chế độ bảo hiểm; sớm nghiên cứu hình thành quỹ bảo hiểm thất nghiệp, và các chính sách an sinh xã hội; (VIII) Đổi mới cơ chế quản lý các cơ quan khoa học - công nghệ theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự hạch toán. Gắn kết chặt chẽ các cơ quan này với doanh nghiệp để thúc đẩy việc đổi mới công nghệ sản xuất ở doanh nghiệp, nhằm phát triển thị trường khoa học, công nghệ. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào đầu tư, kinh doanh đi đôi với việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2 - *Thực hiện một cách mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính, bãi bỏ các thủ tục, giấy tờ không thực sự cần thiết nhằm rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp và tham gia thị trường, đưa nhanh hàng hóa và dịch vụ vào kinh doanh.* Việc quản lý xuất nhập khẩu các mặt hàng quản lý chuyên ngành chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, điều kiện hành nghề, không dùng giấy phép làm công cụ để hạn chế thương mại. Công bố công khai quy trình tác nghiệp, thời gian giải quyết công việc, người chịu trách nhiệm ở tất cả các cơ quan thuộc bộ máy nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ công để mọi công dân, mọi doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện. Công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý là một trong những tiêu chí của xã hội "công bằng, dân chủ, văn minh" và là yêu cầu cấp bách hiện nay. Điều này không những là tiền đề của chống tham nhũng mà còn là điều kiện để tạo ra thị trường cạnh tranh, giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp và công dân, là điều kiện bảo đảm hiệu quả của tăng trưởng. Phải làm việc này một cách đồng bộ và kiên quyết. Loại bỏ khỏi bộ máy nhà nước những công chức gây phiền hà, những nhiều nhân dân và doanh nghiệp, những người thiếu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ.

3 - *Sắp xếp lại các cơ quan quản lý nhà nước, theo yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.* Làm việc này không phải là để tinh gọn tổ chức một cách giản đơn. Làm việc này là tạo ra tiền đề tổ chức để bảo đảm sự đồng bộ, tầm nhìn liên ngành, khắc phục sự chồng chéo, kém hiệu quả trong việc xây dựng và thực thi các thiết chế quản lý.

Trên cơ sở sắp xếp lại các cơ quan quản lý nhà nước và cải cách thủ tục hành chính để xây dựng lại hệ thống phân cấp theo những tiêu chí khoa học, bảo đảm tính tương thích, sự đồng bộ và tính mục tiêu trong các lĩnh vực đã phân cấp. Quan điểm nhất quán ở đây là: bảo đảm tính thống nhất quản lý và mục tiêu phát triển, phân cấp mạnh cho địa phương và cơ sở. Vấn đề sẽ được giải quyết ở cấp nào mà ở đó có đầy đủ thông tin và khả năng thực hiện công việc tốt nhất. Gắn phân cấp với kiểm tra, giám sát.

4 - *Đổi mới để phát triển mạnh nguồn nhân lực.* Chúng ta thường nói và người nước ngoài cũng nói: nước ta có nguồn nhân lực dồi dào, lao động trẻ chiếm 70% lực lượng lao động. Người Việt Nam cần cù, chịu khó học tập, nhận thức nhanh. Đây là một lợi thế cạnh tranh. Điều đó đúng nhưng chưa phản ánh đầy đủ thực trạng nguồn nhân lực nước ta. Hiện tại, chúng ta chỉ có lợi thế cạnh tranh thực tế trong những ngành nghề đòi hỏi sử dụng nhiều lao động với kỹ năng trung bình và thấp. Những lĩnh vực có giá trị gia tăng lớn, đòi hỏi trình độ cao, chúng ta đang rất thiếu và do đó làm hạn chế khả năng thu hút đầu tư vào những lĩnh vực này như cơ khí chế tạo, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, tư vấn thiết kế, tạo mẫu và trong các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao... Hạn chế này là do những yếu kém, bất cập trong hệ thống giáo dục của ta, cần phải nhanh chóng tìm ra các giải pháp để khắc phục.

Hướng chính ở đây là:

Chấp nhận cơ chế thị trường trong đào tạo đại học thuộc các ngành kỹ thuật - công nghệ và dạy nghề để huy động các nguồn lực nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo gắn liền với việc thực hiện đầy đủ cơ chế thị trường trong việc trả lương cho người lao động.

Từ quan điểm hệ thống và bảo đảm tính liên thông trong hệ thống giáo dục - đào tạo từ phổ thông - đại học và dạy nghề, giải quyết trước việc cải cách giáo dục đại học và dạy nghề. Học tập kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục đại học và dạy nghề tiên tiến để chọn lọc, sử dụng. Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất trong những nguyên tắc lớn và sự quản lý thống nhất của nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, phát huy tính tự chủ, bản sắc riêng và tính cạnh tranh trong đào tạo đại học và dạy nghề. Nhà nước sẽ đầu tư nhiều hơn cho những ngành nghề cần thiết nhưng tính cạnh tranh thấp.

Khẩn trương xây dựng chiến lược cải cách giáo dục từ nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, chế độ thi cử ở tất cả các cấp đào tạo.

5 - *Tập trung sức phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng.* Sự yếu kém về cơ sở hạ tầng đã và sẽ hạn chế thu hút đầu tư làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cạnh tranh giữa các nước về cơ sở hạ tầng sẽ là sự cạnh tranh dài hạn, nhất là trong điều kiện các hình thức ưu đãi trái với quy định của Tổ chức Thương mại thế giới sẽ bị loại bỏ. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng sự phát triển cơ sở hạ tầng. Lâu nay Nhà nước đã rất chú ý phát triển cơ sở hạ tầng bằng nhiều nguồn vốn khác nhau: vốn ngân sách, vốn ODA, vốn của doanh nghiệp đầu tư theo phương thức BOT, BT,... vốn của dân. Khuyết điểm ở đây là tình trạng đầu tư từ nguồn vốn nhà nước phân tán, kéo dài chậm được khắc phục. Phát triển cơ sở hạ tầng là yêu cầu bức xúc của các địa phương, các vùng kinh tế. Khi nhu cầu lớn, nguồn lực có hạn, để thỏa mãn được nhiều đối tượng dễ dẫn đến cách phân bổ phân tán, dàn trải. Kết quả là thời gian thi công kéo dài, nợ đọng lớn, không ít công trình hiệu suất sử dụng thấp, hiệu quả không cao xét trên yêu cầu phát triển tổng thể của nền kinh tế. Phải kiên quyết

khắc phục tình trạng này. Nguyên tắc chỉ đạo ở đây là cái mà chúng ta lựa chọn và quyết định là cái tốt nhất có thể chứ chưa phải là cái mà chúng ta mong muốn. Cái tốt nhất có thể là cái mà nếu được lựa chọn sẽ có hiệu suất sử dụng cao nhất. Trong phát triển cơ sở hạ tầng (các tuyến đường, bến cảng) đó là những vùng đã và sẽ có trọng tương lai gắn dung lượng lưu thông hàng hóa lớn, từ đó thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế nói chung. Từ yêu cầu này mà xử lý mâu thuẫn giữa nhu cầu và khả năng về vốn. Điều chỉnh lại việc phân cấp đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng tập trung cao hơn. Người có quyền ra quyết định đầu tư phải kiên quyết thực hiện bằng được yêu cầu này.

Huy động mọi nguồn lực kể cả các nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng.

6 - *Về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.* Nông nghiệp là lĩnh vực nhạy cảm và dễ bị tổn thương hơn cả khi thực hiện cam kết cắt giảm thuế nông sản. Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, Đoàn đàm phán đã kiên trì và thận trọng trong việc mở cửa thị trường nông sản. Mặc dầu vậy, nông nghiệp vẫn là lĩnh vực bị sức ép cạnh tranh khá lớn, nhất là trong điều kiện nông nghiệp nước ta vẫn là nền sản xuất nhỏ, phân tán, công nghệ lạc hậu, năng suất kém, chất lượng sản phẩm không cao, bình quân đất nông nghiệp trên một lao động thấp.

Để giải quyết vấn đề này phải thực hiện theo 2 hướng:

Một là: Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong đó có cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn, từng bước chuyển lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ; đưa các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, yêu cầu đào tạo không cao về nông thôn; phát triển các làng nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; hình thành các thị trấn, thị tứ mới ở nông thôn. Đây là hướng phát triển quan trọng nhất.

Hai là: Tăng ngân sách đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn cùng với việc dành toàn bộ các nguồn vốn hỗ trợ trước đây cho khuyến khích xuất khẩu nông sản để đầu tư phát triển thủy lợi, giao thông nông thôn. Nhà nước hỗ trợ việc xây dựng hệ thống kho tàng, các cơ sở bảo quản, phơi sấy nhằm giảm hao hụt, bảo đảm chất lượng sản phẩm sau thu hoạch, tạo điều kiện điều tiết lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường nhằm ổn định giá cả, phát triển chợ nông thôn. Giảm mạnh sự đóng góp của nông dân.

Đầu tư mạnh vào việc phát triển, cải tạo các loại giống có năng suất cao, chất lượng tốt để cung cấp cho nông dân có sự hỗ trợ giá từ ngân sách nhà nước. Phát triển và tổ chức lại hệ thống khuyến nông trên cả 4 cấp: trung ương, tỉnh, huyện, xã và hợp tác xã.

Phát triển các doanh nghiệp, các hợp tác xã cổ phần sản xuất nông nghiệp và kinh doanh dịch vụ ở nông thôn, thông qua đó mà thúc đẩy quá trình hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp, bảo đảm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư cho nông dân. Khuyến khích nông dân trở thành cổ đông của các doanh nghiệp và các hợp tác xã cổ phần, là đồng sở hữu các nhà máy

chế biến nông sản, bảo đảm thu nhập của nông dân và cung cấp ổn định nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Nghiên cứu để hình thành cơ chế gắn việc thu hút lao động trong nông nghiệp sang làm công nghiệp hoặc dịch vụ, xuất khẩu lao động với việc chuyển giao, cho thuê lại ruộng đất để đẩy nhanh quá trình tích tụ ruộng đất.

7 - *Phát triển các loại hình dịch vụ.* Lĩnh vực dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong GDP của các nền kinh tế. Các nước công nghiệp phát triển trình độ cao, dịch vụ chiếm từ 60% - 70%. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa và sự phân công lao động gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa đặt ra nhu cầu vừa tạo khả năng phát triển dịch vụ. Ngược lại sự phát triển dịch vụ sẽ làm giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, phải hết sức coi trọng phát triển tất cả các ngành dịch vụ. Tập trung phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao: dịch vụ tài chính, ngân hàng với nhiều sản phẩm đa dạng, dịch vụ viễn thông, dịch vụ du lịch, các loại dịch vụ tư vấn để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân lập doanh nghiệp, lựa chọn phương án kinh doanh, các dịch vụ nghề nghiệp như kế toán, kiểm toán để đánh giá chính xác hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm công khai, minh bạch về tình trạng tài chính của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tham gia thị trường chứng khoán. Nhanh chóng xây dựng hệ thống mã số các loại dịch vụ theo phân loại của Tổ chức Thương mại thế giới. Trên cơ sở đó, có định hướng đúng đắn chiến lược phát triển dịch vụ.

8 - *Phát triển những lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có khả năng mở rộng thị trường.* Từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, thế giới đã diễn ra hai mô hình công nghiệp hóa. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu đi liền với chế độ bảo hộ mậu dịch. Mô hình này khá phổ biến và đã thành công trước những năm 80. Khi chế độ bảo hộ mậu dịch giảm dần, sự phân công lao động quốc tế sâu rộng hơn, các nước chuyển sang mô hình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu trên cơ sở lợi thế so sánh. Từ nửa sau những năm 90 của thế kỷ trước, toàn cầu hóa kinh tế trở thành xu thế. Hàng rào bảo hộ bị cắt giảm thông qua việc ký kết các hiệp định mậu dịch tự do song phương và khu vực và việc hình thành Tổ chức Thương mại thế giới, ranh giới kinh tế giữa các quốc gia bị giảm thiểu; sự phát triển của vận tải đa phương thức và dịch vụ logistic đã làm chi phí lưu chuyển hàng hóa giữa các quốc gia giảm mạnh, thị trường trong nước và thị trường nước ngoài gần như thông nhau. Cái gọi là công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu và công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu không còn nguyên nghĩa như khái niệm ban đầu của nó. Một sản phẩm cạnh tranh được trên thị trường trong nước cũng có khả năng cạnh tranh trên thị trường nước ngoài và ngược lại. Vì vậy, việc lựa chọn các ngành và sản phẩm để phát triển phải căn cứ vào các yếu tố sau đây: (1) lợi thế so sánh dài hạn; (2) quy mô kinh tế đặt trong quy hoạch liên vùng (để bảo đảm giảm chi phí cố định); (3) dung lượng thị trường (để bảo đảm có được thị phần và tăng thị phần mà không bị các biện pháp tự vệ).

điều tra chống bán phá giá); (4) mức giảm thuế và lộ trình giảm thuế theo cam kết (để đo sức ép cạnh tranh của hàng nhập khẩu).

Đi đôi với việc phát triển một số ngành, sản phẩm theo các tiêu chí nêu trên cần hết sức coi trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp nền tảng cho công nghiệp hóa.

9 - *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích mọi người đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh, phát triển các loại hình doanh nghiệp, có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.* Việc sắp xếp lại, đổi mới và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong những năm qua đã đem lại những kết quả tích cực. Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa đều có doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách cao hơn trước khi cổ phần hóa; việc làm và đời sống người lao động trong doanh nghiệp đã cổ phần hóa được bảo đảm, có phần được cải thiện; quyền làm chủ thực sự trong quản lý doanh nghiệp từng bước được xác lập. Việc bán giá trị của doanh nghiệp thông qua đấu thầu trên thị trường chứng khoán đã khắc phục được tình trạng thất thoát vốn, tài sản của nhà nước. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp mà nhà nước có cổ phần hoặc cổ phần chi phối còn nhiều. Vốn của nhà nước trong doanh nghiệp còn lớn, tín dụng dành cho doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ lệ cao. Phải khẩn trương hoàn thành kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu, chủ yếu là các công ty cổ phần, kể cả các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế.

Một nước ở trình độ phát triển thấp như nước ta, lại đang trong giai đoạn chuyển đổi, tuyệt đại bộ phận là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm 95%), loại hình doanh nghiệp này thực sự đang là động lực của sự phát triển. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ có hiệu quả hơn nữa các doanh nghiệp này.

So với dân số và nhu cầu tăng trưởng kinh tế, số lượng doanh nghiệp nước ta hiện rất thấp. Đây là hạn chế lớn trong việc phát triển kinh tế, giải quyết công ăn việc làm, tạo ra thị trường cạnh tranh và huy động nguồn lực của xã hội. Vì vậy, khuyến khích hơn nữa người dân đầu tư vào sản xuất kinh doanh, phát triển các loại hình doanh nghiệp. Định hướng cơ bản để thực hiện việc này là tạo điều kiện để doanh nghiệp có môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí tham gia thị trường, miễn giảm thuế trong thời gian đầu lập nghiệp, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo quản trị doanh nghiệp.

10 - *Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.* Như trên đã nói, chủ thể của tiến trình hội nhập và cạnh tranh là Nhà nước và doanh nghiệp. Trong đó doanh nghiệp trực tiếp cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài trên thị trường trong và ngoài nước. Có thể thấy rõ 4 điểm yếu của doanh nghiệp nước ta: số lượng doanh nghiệp ít; quy mô nhỏ, thiếu vốn; công nghệ sản xuất kinh doanh nhìn chung lạc hậu; khả năng quản trị doanh nghiệp còn yếu kém. Những hạn chế này có nguyên nhân khách quan của một nền kinh tế đang phát triển ở trình độ thấp, đang trong quá trình chuyển đổi. Điều quan

trọng là các doanh nghiệp phải nhận thức được các hạn chế yếu kém đó, có kế hoạch để khắc phục các yếu kém đó. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải xác định được chiến lược mặt hàng và chiến lược thị trường đúng đắn. Trên cơ sở lựa chọn đúng chiến lược thị trường, chiến lược mặt hàng mà đổi mới công nghệ sản xuất, công nghệ quản lý; áp dụng các tiêu chuẩn ISO, hoàn thiện phương thức kinh doanh; tạo ra bản sắc riêng có, những nét độc đáo riêng có của doanh nghiệp mình thông qua đó mà thu hút khách hàng, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu. Phải tăng cường liên kết hợp tác theo chiều dọc và chiều ngang; xác lập quan hệ bạn hàng và nhanh chóng hình thành hệ thống phân phối. Cần nhận thức rằng cạnh tranh và hợp tác luôn song hành trong hoạt động của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường. Các tập đoàn tư bản tuy cạnh tranh với nhau gay gắt nhưng cũng sẵn sàng hợp tác vì lợi ích của chính họ. Doanh nghiệp của ta quy mô nhỏ, vốn ít càng cần phải tăng cường liên kết và hợp tác. Điều quan trọng là năng lực và bản lĩnh của người quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp phải chọn cho được những người quản trị doanh nghiệp có bản lĩnh và năng lực thực sự. Kinh doanh là nghề chấp nhận mạo hiểm. Chấp nhận mạo hiểm hoàn toàn khác với làm liều. Chấp nhận mạo hiểm trên cơ sở thu thập và xử lý đầy đủ thông tin, và dự kiến trước những diễn biến của thị trường. Phải tính đến rủi ro có thể xảy ra và nếu xảy ra rủi ro thì thiệt hại sẽ được giới hạn và có khả năng khắc phục. Làm được như vậy hiệu quả kinh doanh sẽ được bảo đảm, và trên cơ sở hiệu quả kinh doanh mà tăng khả năng tích tụ vốn và huy động vốn trên thị trường chứng khoán. Từ đó doanh nghiệp sẽ lớn lên, mạnh hơn, sức cạnh tranh sẽ được tăng cường, từng bước hình thành nhiều công ty, tập đoàn kinh tế lớn.

Kiên toàn tổ chức và cơ chế hoạt động của các hiệp hội ngành hàng, bảo đảm hiệp hội thực sự là cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước, hỗ trợ có hiệu quả cho doanh nghiệp trong việc phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, đào tạo nguồn nhân lực. Nâng cao trách nhiệm và đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan xúc tiến thương mại, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, thiết lập quan hệ bạn hàng, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển du lịch và thu hút đầu tư.

Không thể thực hiện những công việc rộng lớn trên đây trong một thời gian ngắn. Nhưng phải kiên quyết và kiên trì thực hiện trên cơ sở xây dựng các chương trình hành động đồng bộ, có phân công trách nhiệm rõ ràng, lộ trình thực hiện cụ thể, trước hết là trong các cơ quan nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp.

11 - Tiên đề quan trọng và có ý nghĩa quyết định để thực hiện thắng lợi các chủ trương và giải pháp nêu trên là bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, giữ vững chủ quyền quốc gia và định hướng của sự phát triển. Nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp xã hội về bản chất và nội dung của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, những cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Tạo ra sự thống nhất trong nhận

thức, thống nhất đánh giá, thống nhất hành động. Trên cơ sở đó phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, truyền thống yêu nước và cách mạng, ý chí tự lực tự cường của mọi người Việt Nam nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh(*).

Chú thích

* Bài đã đăng trên Website Chính phủ